

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/DS-PT

Ngày: 29/5/2020

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLPT-DS ngày 03/3/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2020/QĐPT-DS ngày 16/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, khu phố Tân Trà 2, phường TB, thị xã D, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Số nhà 799, tổ 4, ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà T1 có mặt; ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 8, khu phố Tân Trà 2, phường TB, thị xã D, tỉnh Bình Phước; ủy quyền cho ông Phạm Văn Th (theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2019 và ngày 27/5/2020).

2. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, nguyên đơn có mua của bà Nguyễn Thị Kim T1 01 căn nhà và quyền sử dụng đất tại ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ 48. Căn nhà mà nguyên đơn mua của bà T1 có phía Nam giáp với đất của ông T, bà T1 nhưng nay ông T, bà T1 có tiến hành việc xây dựng nhà ở thêm ra với kết cấu kiên cố lấn chiếm phần đất của nguyên đơn. Để làm công trình này ông T có tiến hành cắt gọt phần móng cột nhà và phần mái tôn nhà nguyên đơn khi không có sự đồng ý của nguyên đơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu chất lượng và sự an toàn công trình nhà của nguyên đơn ở thời điểm hiện tại cũng như thời gian tới. Cụ thể phần đất ông T bà T1 lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế $1,8m^2$. Tứ cận phần đất ông T, bà T1 lấn chiếm như sau: Hướng Đông giáp đất ông T, hướng Tây giáp đường ĐT 741, hướng Nam giáp đất ông Th và hướng Bắc giáp đất ông Th. Hiện tại phần đất ông T, bà T1 xây dựng thêm nhà vẫn nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Sau khi phát sinh tranh chấp thì nguyên đơn có gặp ông T, bà T1 để tìm ra hướng khắc phục nhưng ông T bà T1 không có Th chí. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu ông T, bà T1 phải tháo dỡ 01 phần ngôi nhà (05 trụ bê tông có chiều cao 3,8m, chiều rộng 0,2m; 01 cây đà bê tông có chiều rộng 0,2m, chiều dài 17,3m tiếp giáp với đỉnh của 05 trụ bê tông) trên diện tích đất đo đạc thực tế $1,8m^2$, thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ 48 tọa lạc tại ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2018 do Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp và công bố kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện P ngày 01/11/2018.

Bị đơn trình bày:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Bởi vì, vào năm 2016 bị đơn với bà T1 có thỏa thuận bị đơn làm cho bà T1 01 căn nhà (căn nhà hiện tại bà T1 bán lại cho ông Th) và bà T1 để lại cho bị đơn lối đi có diện tích khoảng từ 60 – 70 m^2 (chiều rộng mặt đường ĐT741 là 1,8m, chiều rộng hẹp nhất khoảng 1,4m và chiều rộng cuối cùng phía sau nhà khoảng hơn 3m, chiều dài lối đi khoảng 40m) việc thỏa thuận này không lập thành văn bản mà thỏa thuận bằng miệng với nhau. Khi bị đơn tiến hành xây dựng căn nhà cho bà T1 thì có ông Nguyễn Đức Khoát là em trai bà T1 có xuống chứng kiến,

căng dây và chỉ cho bị đơn ranh giới xây giáp ranh với lối đi mà bà T1 đòi lại cho bị đơn, khi bị đơn xây dựng thì bị đơn và bà T1 có thỏa thuận là cột nhà bị đơn xây dựng cho bà T1 sẽ nằm ngoài phần đất của bà T1 (nằm trên phần đất thuộc lối đi mà bà T1 đòi cho bị đơn) rồi sau này khi bị đơn xây dựng tường giáp ranh thì sẽ áp sát phần cột, móng và tường nhà bà T1. Và đầu năm 2018 thì bị đơn có tiến hành đổ 05 cột nhà áp sát nhà ông Th, khi bị đơn xây dựng cột thì phía trên mái nhà giáp ranh với mái của nhà ông Th, bị đơn có làm đà cột áp sát và đổ mái liền với mái nhà ông Th. Việc bị đơn xây dựng hoàn toàn trên phần đất bị đơn đã đòi với bà T1 và thực tế khi bị đơn xây dựng không làm thay đổi kết cấu hiện trạng của nhà ông Th. Bị đơn yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết phát sinh tranh chấp giữa bị đơn và nguyên đơn, nếu sau này có phát sinh tranh chấp giữa bị đơn và bà Nguyễn Thị Kim T1 liên quan tới việc chuyển nhượng một phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 thì bị đơn sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác, không có yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Minh H là ông Phạm Văn Th trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, không bổ sung ý kiến gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Năm 2016, bà T1 có làm hợp đồng để xây dựng nhà với ông T (ông T trực tiếp thi công), bà T1 và ông T đã xác định ranh giới rõ ràng. Một phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 tiếp giáp với đất ông T thì bà T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bằng giấy tay) cho ông T nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng đất là cây lâu năm. Phần đất còn lại bà T1 mới xây dựng nhà, bà T1 khẳng định phần đất tranh chấp là phần đất của bà T1 trước đây. Việc ông T, bà T1 cho rằng phần đất này bà T1 đã chuyển nhượng cho ông T, bà T1 là không đúng. Năm 2017, bà T1 chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông Th và có chỉ cột mốc, ranh giới rõ ràng, phần đất tranh chấp nay đã thuộc quyền sử dụng đất của ông Th. Nay ông T, bà T1 xây dựng mà không thông báo cho ông Th mà tự ý thực hiện cất mái tole, tường gạch gây ảnh hưởng đến công trình nhà ở của ông Th ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải tháo dỡ phần lấn chiếm trên 05 trụ bê tông có chiều cao 3,8m, chiều rộng 0,2m và 01 cây đà bê tông có chiều rộng 0,2m, chiều dài 17,3m tiếp giáp với đỉnh của 05 trụ bê tông để trả lại cho nguyên đơn quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1,8m², thuộc 01 phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có tứ cận:

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa đất số 106;

Hướng Tây giáp phần còn lại thửa đất số 106;

Hướng Nam giáp phần còn lại thửa đất số 106;

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa đất số 106.

(Số đo cụ thể các cạnh thể hiện tại Bảng liệt kê tọa độ góc ranh trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2019, bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng: Việc tháo dỡ công trình sẽ gây nguy cơ làm sập nhà, yêu cầu được xét xử lại phúc thẩm tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2020 thì trên phần đất tranh chấp diện tích 1,8m², bị đơn đã xây dựng kiên cố 05 trụ bê tông, 01 cây đà ngang gác trên đỉnh 05 trụ bê tông và 05 cây đà bê tông đầu nối với căn nhà chính gia đình bị đơn đang ở. Việc tháo dỡ các trụ bê tông này sẽ ảnh hưởng đến căn nhà chính và bức tường. Án sơ thẩm xử buộc bị đơn tháo dỡ trụ bê tông để trả lại đất cho nguyên đơn là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bị đơn được sử dụng 1,8m² đất và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 5.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Phạm Văn Th (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 (sau đây viết là bị đơn), nguyên đơn cho rằng bị đơn đồ trụ bê tông xây cất nhà lấn chiếm đất của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ 05 trụ bê tông, 01 cây đà bê tông gác trên đầu 05 trụ bê tông để trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 1,8m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng

nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/12/2017 cho nguyên đơn.

[2] Bị đơn cho rằng: Bị đơn và bà Nguyễn Thị Kim T1 (là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất cho nguyên đơn) vào năm 2016, có trao đổi và làm giấy tay sang nhượng đất có nội dung: Bị đơn xây cất nhà cho bà T1 và bà T1 để lại cho bị đơn một lối đi có diện tích khoảng 70m², chiều rộng 1,8m; chiều dài khoảng 40m. Bị đơn xây cột nhà, làm cây đà là trên phần đất đã trao đổi với bà T1, không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim T1 cho rằng: Năm 2017, bà T1 có chuyển nhượng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 và căn nhà cấp 4 trên đất cho nguyên đơn. Trước đây, vào năm 2016, bà có chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa số 106 cho bị đơn. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà T1 xác định bà không chuyển nhượng cho bị đơn đối với phần đất có tranh chấp. Phần đất này thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

[4] Thấy rằng: Theo hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Công văn số 569/UBND-NC ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P thì: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48, diện tích 3.783,9m² tọa lạc tại xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/12/2017 có nguồn gốc là nguyên đơn nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị Kim T1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng P công chứng số: 006449, ngày 14/11/2017 (bà T1 đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2009). Liên kế thửa đất số 106 là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 48 của bị đơn có diện tích 220m², bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/2005. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự là đúng pháp luật về đất đai.

[5] Xét phần đất có tranh chấp, qua đo đạc thực tế do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P thực hiện có diện tích 1,8m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho nguyên đơn ngày 14/12/2017. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2018 (bút lục 32, 33, 34) và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2020 thì trên phần đất diện tích 1,8m² vào năm 2018, bị đơn đã xây 05 trụ bê tông kiên cố áp sát bức tường, trên đỉnh của 05 trụ bê tông là cây đà bê tông; đầu nối với cây đà bê tông là 05 cây đà bằng bê tông được nối liền với nhà chính mà gia đình bị đơn đang ở. Việc tháo dỡ 05 trụ bê tông, cây đà ngang sẽ làm ảnh hưởng đến nhà chính và bức tường (có thể bị sập) và khó khăn cho công tác thi hành án. Xét thấy: Nguyên đơn sau khi nhận chuyển nhà, đất của bà T1 thì nguyên đơn không thường xuyên ở tại nhà đất tọa lạc tại xã AB mà sinh sống tại tỉnh Bình Phước. Nguyên đơn cũng có một phần trách nhiệm không kịp thời ngăn chặn việc xây dựng của bị

đơn. Xét thấy cần buộc bị đơn thanh toán lại giá trị 1,8m² đất cho nguyên đơn là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản, thống nhất theo biên bản định giá tài sản ngày 01/11/2018 giá đất 80.000 đồng/m²; giá trị phần đất tranh chấp là 1,8m² x 80.000 đồng = 144.000 đồng. Bị đơn đồng ý bồi thường cho nguyên đơn 5.000.000 đồng; cần ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ 05 trụ bê tông và 01 cây đà bê tông để trả lại cho nguyên đơn 1,8m² đất là không phù hợp pháp luật, cần sửa bản án sơ thẩm.

[6] Xét việc bị đơn cho rằng bị đơn có trao đổi, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà T1 làm lỗi đi. Theo giấy sang nhượng đất ngày 14/6/2016, thấy rằng: Nội dung giấy sang nhượng đất không rõ ràng, không tuân thủ quy định của pháp luật, không có công chứng, chứng thực. Bà T1 cũng không thừa nhận. Do vậy, không có cơ sở xác định phần đất diện tích 1,8m² bà T1 đã chuyển nhượng cho bị đơn theo giấy sang nhượng đất ngày 14/6/2016.

[7] Xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 120.000.000 đồng do làm hư hỏng móng và tường nhà. Tại đơn ngày 28/6/2019, nguyên đơn rút yêu cầu này và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là có căn cứ. Phần nội dung này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[8] Xét có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải nộp. Án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu. Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều: 166, 203 Luật Đất đai;
- Căn cứ các Điều: 147; 148; 157; 165; 282; khoản 2, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1. Sửa Bản án số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Th đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 1,8m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại ấp Tân Thịnh, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo bản án). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T1. Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Minh H 5.000.000 đồng.

- Phần quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Phạm Văn Th đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho ông Phạm Văn Th số tiền 3.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007575 ngày 25 tháng 7 năm 2018.

- Án phí phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026700 ngày 28/11/2019.

- Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải nộp 5.000.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Phạm Văn Th.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS, HCTP.

Nguyễn Thành Trung